

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012</i>	14 - 36



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trì, theo Quyết định số 1700/QĐ - BCN ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 23 tháng 9 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 số 2600107284 ngày 29 tháng 11 năm 2012 đăng ký tăng vốn điều lệ từ 47.000.000.000 VND thành 65.000.000.000 VND và đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (mã ngành 1701).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 65.000.000.000 đồng, cụ thể:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Giấy Việt Trì	18.850.000.000	29,00%
Ông Nguyễn Văn Hiện	4.394.520.000	6,76%
Công ty TNHH Tân Phú Cường	5.551.130.000	8,54%
Ông Nguyễn Thanh Sơn	3.454.770.000	5,32%
Công ty TNHH Mai Anh	3.362.480.000	5,17%
Ông Nguyễn Nam Khánh	2.747.240.000	4,23%
Ông Nguyễn Duy Hưng	2.772.250.000	4,27%
Ông Đoàn Thế Rong	2.202.000.000	3,39%
Công ty Cổ phần Huy Hoàng	2.044.750.000	3,15%
Ông Nguyễn Hồng Hà	513.990.000	0,79%
Ông Hà Quốc Bình	398.840.000	0,61%
Ông Không Minh Trì	344.320.000	0,53%
Các cổ đông khác	18.363.710.000	28,25%
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

#### *Trụ sở hoạt động*

Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
Điện thoại : (0210) 3 862 761  
Fax : (0210) 3 862 754  
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 7 2 8 4

#### *Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
- Kinh doanh và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
- Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải;
- In và các dịch vụ liên quan đến in.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

**Các sự kiện sau ngày khóa số kế toán lập Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch
Ông Khổng Minh Trí	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Hà	Ủy viên
Bà Ngô Thị Thu Hương	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quốc Hải	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Chiến	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên
Ông Cao Thế Viêm	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2012

Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2012

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hiện	Tổng Giám Đốc
Ông Khổng Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (VP Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. VP Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tính hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Hiện**

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

1.H.H \* 10A



Số : 14/2012/VPA-BCTC  
Ngày : 25 tháng 3 năm 2013

Nơi nhận : **Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì**

Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

Về việc : **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì được lập ngày 18 tháng 3 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 6 năm 2012 có dạng ý kiến lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc khoản nợ gốc và lãi dài hạn phải trả Bộ Tài chính do Bộ Tài chính bảo lãnh khoản nợ nước ngoài về mua máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm đang được quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) thành đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá tại thời điểm nhận nợ (31/12/2004) là 15.717 VND/USD.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.





**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về số dư tại ngày 01/01/2012 của khoản nợ gốc và lãi dài hạn phải trả Bộ Tài chính do Bộ Tài chính bảo lãnh khoản nợ nước ngoài về mua máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm đang được quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) thành đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá tại thời điểm nhận nợ (31/12/2004) là 15.717 VND/USD (xem thêm các thuyết minh V.13, 18, 20, 21). Ngày 19 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã có công văn 5278/BTC-QLN về việc xác định chênh lệch tỷ giá và lịch trả nợ mới, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá này vào báo cáo tài chính năm 2012 (xem thêm các thuyết minh V.18, 20). Số dư tại ngày 31/12/2012 của khoản nợ này đã được phản ánh theo tỷ giá thông báo của Bộ Tài chính.*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**



Kiểm toán viên

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ.0053/KTV

**Hồ Xuân Hà**

Chứng chỉ KTV số: 1603/KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>TÀI SẢN</b>		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
1.	110	V.1	2.798.297.837	4.581.072.369
	111		2.798.297.837	4.581.072.369
2.	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>				
1.	120		-	-
	121		-	-
2.	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>				
1.	130		129.037.109.267	140.128.530.576
	131	V.2	128.112.856.115	137.741.147.212
2.	132	V.3	1.100.845.207	2.242.506.800
	133		-	-
3.	134		-	-
4.	135	V.4	769.156.539	794.876.564
5.	139	V.5	(945.748.594)	(650.000.000)
6.	140		219.917.318.762	252.539.176.681
<b>IV. Hàng tồn kho</b>				
1.	141	V.6	219.917.318.762	252.539.176.681
2.	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>				
1.	150		969.620.091	213.786.063
	151		855.802.728	-
2.	152		-	-
3.	154		-	-
4.	157		-	-
5.	158	V.7	113.817.363	213.786.063



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>330.601.560.330</b>	<b>350.137.019.489</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>273.529.874.680</b>	<b>312.802.741.386</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	266.100.637.313	304.752.870.669
<i>Nguyên giá</i>	222		604.337.317.212	598.346.360.486
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(338.236.679.899)	(338.236.679.899)	(293.593.489.817)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	6.058.467.140	8.049.870.717
<i>Nguyên giá</i>	225		8.463.886.985	9.096.270.911
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	(2.405.419.845)	(2.405.419.845)	(1.046.400.194)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.370.770.227	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.071.685.650</b>	<b>37.334.278.103</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	56.622.160.050	36.820.752.503
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	449.525.600	513.525.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>683.323.906.287</b>	<b>747.599.585.178</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

		NGUỒN VỐN	
Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>			
1.	Vay và nợ ngắn hạn	607.105.347.519	691.236.151.919
2.	Phải trả người bán	387.914.141.156	444.790.774.862
3.	Người mua trả tiền trước	260.505.423.233	251.287.570.203
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	83.977.517.198	149.854.639.619
5.	Phải trả người lao động	5.603.179.634	715.665.101
6.	Chi phí phải trả	7.297.040.924	7.683.608.784
7.	Phải trả nội bộ	16.582.413.716	8.823.436.393
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	1.796.447.534	1.818.453.322
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.459.477.516	24.266.213.952
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>			
1.	Phải trả dài hạn người bán	692.641.401	341.187.488
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	76.218.558.768	56.363.433.259
2.	Thặng dư vốn cổ phần	76.218.558.768	56.363.433.259
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	65.000.000.000	47.000.000.000
4.	Cổ phiếu quỹ	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	965.279.346	523.279.346
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10.253.279.422	8.840.153.913
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
1.	Nguồn kinh phí	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>683.323.906.287</b>	<b>747.599.585.178</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-



Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	998.594.478.966	973.354.848.356
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	4.012.055.123	3.362.554.261
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	994.582.423.843	969.992.294.095
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	899.868.640.876	878.771.506.889
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20 VI.3	94.713.782.967	91.220.787.206
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	79.175.441	120.331.609
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	53.156.354.113	57.579.193.185
Trong đó: chi phí lãi vay	23	48.122.277.169	56.124.368.472
8. Chi phí bán hàng	24 VI.5	16.781.002.457	12.604.021.191
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.6	11.727.082.518	11.119.539.468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13.128.519.320	10.038.364.971
11. Thu nhập khác	31 VI.7	1.279.019.358	2.394.009.781
12. Chi phí khác	32 VI.8	677.748.209	556.078.003
13. Lợi nhuận khác	40	601.271.149	1.837.931.778
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.729.790.469	11.876.296.749
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.16	3.476.511.047	3.036.142.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.253.279.422	8.840.153.913
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.9	1.958	1.881

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Hòa



Lê Thị Minh Loan

Nguyễn Văn Hiện



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>13.729.790.469</b>	<b>11.876.296.749</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		46.002.209.733	35.856.361.117
- Các khoản dự phòng	03		295.748.594	650.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(79.175.441)		(446.952.605)
- Chi phí lãi vay	06	48.122.277.169		56.124.368.472
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>108.070.850.524</b>	<b>104.060.073.733</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.895.641.415		(95.995.076.692)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32.621.857.919		(2.529.519.144)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(52.285.794.020)		16.586.283.943
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(20.657.210.275)		4.602.594.063
- Tiền lãi vay đã trả	13	(48.134.777.169)		(51.252.057.472)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.419.249.492)		(2.595.943.933)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	64.000.000		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(526.700.000)		(993.155.925)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.628.618.902</b>	<b>(28.116.801.427)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.729.343.027)	(8.744.150.530)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.175.441	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.650.167.586)</b>	<b>(8.289.605.075)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	18.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	569.851.088.840	528.198.515.698
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(601.068.842.168)	(484.020.710.478)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.912.000.000)	(2.856.980.200)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.631.472.520)	(6.699.902.480)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22.761.225.848)</b>	<b>34.620.922.540</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.782.774.532)</b>	<b>(1.785.483.962)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.581.072.369</b>	<b>6.366.556.331</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.798.297.837</b>	<b>4.581.072.369</b>

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	18.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	569.851.088.840	528.198.515.698
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(601.068.842.168)	(484.020.710.478)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.912.000.000)	(2.856.980.200)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.631.472.520)	(6.699.902.480)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22.761.225.848)</b>	<b>34.620.922.540</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.782.774.532)</b>	<b>(1.785.483.962)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.581.072.369</b>	<b>6.366.556.331</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.798.297.837</b>	<b>4.581.072.369</b>

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập ngày 25 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
  - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
  - Kinh doanh các sản phẩm bột giấy và giấy;
  - Kinh doanh và chế biến lâm sản;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu bột giấy, giấy, vật tư và hóa chất, thiết bị phục vụ ngành giấy;
  - Sản xuất hòm hộp, đóng gói sản phẩm;
  - Kinh doanh vận tải;
  - In và các dịch vụ liên quan đến in.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ trên máy vi tính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm (đối với TSCĐ mua sắm mới)</u>	<u>Số năm (đối với TSCĐ đánh giá lại khi CPH)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	01 - 15
Máy móc và thiết bị	05 - 07	01 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	01 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	01 - 04

### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 8. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài Chính*

Chi phí lãi vay phải trả Bộ Tài Chính là số lãi vay phát sinh từ số tiền nợ nước ngoài do Bộ Tài chính bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì) vay và đang được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo thời hạn trả nợ. Đơn vị đã nhận nợ với Bộ Tài chính theo Biên bản đối chiếu số liệu nợ nước ngoài của Công ty Giấy Việt Trì vay đầu tư dây chuyền sản xuất bao gói 25.000 tấn/năm ngày 05 tháng 4 năm 2006.

#### *Chênh lệch tỷ giá phải trả Bộ Tài Chính*

Chênh lệch tỷ giá phải trả Bộ Tài Chính là số tiền phát sinh do chênh lệch giữa tỷ giá ước tính theo lịch trả nợ của Hợp đồng số 01/HD ngày 12 tháng 6 năm 2007 với tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại từng thời điểm trả nợ cho Tập đoàn Daewoo từ kỳ trả nợ 20/5/2005 đến 20/11/2011 và được xác định lại theo công văn số 5278/BTC-QLN ngày 19/4/2012 với lịch trả nợ hàng năm bắt đầu từ kỳ 20/5/2012 đến 20/11/2019

### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **11. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phân lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **14. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÍ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 15. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.





## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	65.491.432	274.645.329
Tiền gửi ngân hàng	2.732.806.405	4.306.427.040
<b>Cộng</b>	<b>2.798.297.837</b>	<b>4.581.072.369</b>

#### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại PP	1.054.884.344	24.515.026.410
Công ty Cổ phần In và Bao bì Goldsun	2.308.613.428	1.491.549.816
Công ty TNHH in Bao bì TM Vĩnh An	943.712.078	1.086.136.747
Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng	4.402.216.214	1.856.096.489
Công ty TNHH Đức Trung	557.416.337	1.124.681.589
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	-	2.916.976.840
Công ty TNHH Hòa Bình	33.604.814.775	69.550.286.655
Công ty TNHH Hoa Việt	4.450.234.041	3.292.285.649
Công ty TNHH MTV In tạp chí Cộng Sản	1.784.624.270	1.551.183.920
Công ty TNHH Minh Thanh	-	7.652.426.913
Công ty TNHH Thanh Dũng	4.799.778.416	1.893.814.900
Công ty TNHH Việt Cường	7.211.995.029	1.181.853.114
DNTN Bao bì Minh Dũng	1.369.401.462	2.026.758.134
HTX In Minh Khai	1.884.579.239	1.884.579.239
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Bãi Bằng	13.334.053.810	-
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hải Phòng	11.640.682.921	-
Công ty TNHH Giấy Ngọc Phát	2.369.798.455	-
Công ty TNHH Giấy Tiến Thành	2.389.555.080	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại	-	-
Tổng hợp Hưng Thành	8.872.018.064	-
Các đối tượng khác	25.134.478.152	15.717.490.797
<b>Cộng</b>	<b>128.112.856.115</b>	<b>137.741.147.212</b>

#### 3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nam Thái Nguyên	-	1.800.000.000
Công ty TNHH TM & XD Phương Linh	17.000.000	372.006.800
Công ty Cổ phần Đầu tư TM & DV Hải Minh	160.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hưng	548.144.717	-
Công ty TNHH Hoàng Nam	307.754.490	-
Các đối tượng khác	67.946.000	70.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.100.845.207</b>	<b>2.242.506.800</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT TSCĐ thuê tài chính	434.683.766	783.995.384
Thuế TNCN phải thu	168.655.241	10.881.180
BHXH nộp thừa	165.817.532	-
<b>Cộng</b>	<b>769.156.539</b>	<b>794.876.564</b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	650.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	295.748.594
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>945.748.594</b>

### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	146.151.855.886	153.985.227.242
Công cụ, dụng cụ	35.823.156	70.655.865
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.056.152.620	25.547.432.614
Thành phẩm	60.830.760.553	62.093.277.848
Hàng gửi đi bán	7.842.726.547	10.842.583.112
<b>Cộng</b>	<b>219.917.318.762</b>	<b>252.539.176.681</b>

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

Là tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.642.202.169	519.860.235.406	14.372.317.348	471.605.563	598.346.360.486
Tăng trong năm	-	5.358.572.800	632.383.926	-	5.990.956.726
Mua sắm mới	-	5.358.572.800	-	-	5.358.572.800
Mua lại TSCĐ	-	-	-	-	-
Thuê tài chính	-	-	632.383.926	-	632.383.926
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>63.642.202.169</b>	<b>525.218.808.206</b>	<b>15.004.701.274</b>	<b>471.605.563</b>	<b>604.337.317.212</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	34.445.571.945	16.899.641.335	819.454.884	249.608.291	52.414.276.455
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	42.270.741.616	243.911.937.758	7.089.560.950	321.249.493	293.593.489.817
Tăng trong năm	2.801.091.668	40.138.389.128	1.624.288.429	79.420.857	44.643.190.082
Khấu hao trong năm	2.801.091.668	40.138.389.128	1.272.964.249	79.420.857	44.291.865.902
Mua lại TSCĐ	-	-	-	-	-
Thuê tài chính	-	-	351.324.180	-	351.324.180
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.071.833.284</b>	<b>284.050.326.886</b>	<b>8.713.849.379</b>	<b>400.670.350</b>	<b>338.236.679.899</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại	21.371.460.553	275.948.297.648	7.282.756.398	150.356.070	304.752.870.669
Số đầu năm	<u>18.570.368.885</u>	<u>241.168.481.320</u>	<u>6.290.851.895</u>	<u>70.935.213</u>	<u>266.100.637.313</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 588.321.709.805 VND và 258.095.787.233 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương, ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ.

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.463.886.985	632.383.926	9.096.270.911
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm do mua lại	-	(632.383.926)	(632.383.926)
Số cuối năm	<u>8.463.886.985</u>	<u>-</u>	<u>8.463.886.985</u>

### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	712.642.015	333.758.179	1.046.400.194
Tăng trong năm do khấu hao	1.692.777.830	17.566.001	1.710.343.831
Giảm trong năm do mua lại	-	(351.324.180)	(351.324.180)
Số cuối năm	<u>2.405.419.845</u>	<u>-</u>	<u>2.405.419.845</u>

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	7.751.244.970	298.625.747	8.049.870.717
Số cuối năm	<u>6.058.467.140</u>	<u>-</u>	<u>6.058.467.140</u>

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình nhà ăn ca.

Số đầu năm	-	Năm nay	-
Phát sinh tăng	-		1.370.770.227
Kết chuyển tăng TSCĐ	-		-
Số cuối năm	-		<u>1.370.770.227</u>

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi vay phải trả Bộ Tài chính  
Chênh lệch tỷ giá phải trả Bộ Tài chính  
Cộng

	Năm nay	Năm trước
	32.218.158.441	36.820.752.503
	24.404.001.609	-
	<u>56.622.160.050</u>	<u>36.820.752.503</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 12. Tài sản dài hạn khác

<sup>(a)</sup> Là khoản đặt cọc thuế tài chính tại Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam.

### 13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>202.613.005.875</b>	<b>201.867.041.845</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hùng Vương <sup>(a)</sup>	69.947.161.302	69.368.066.540
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ <sup>(b)</sup>	12.991.346.328	12.705.304.880
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì <sup>(c)</sup>	119.674.498.245	119.793.670.425
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>21.424.811.000</b>	<b>14.612.922.000</b>
- Cán bộ công nhân viên	21.424.811.000	9.612.922.000
- TCT Giấy Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	-	5.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>15.316.892.358</b>	<b>13.616.892.358</b>
<b>(xem thuyết minh số V.21)</b>		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hùng Vương	10.000.000.000	8.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Việt Trì	5.316.892.358	5.316.892.358
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>21.150.714.000</b>	<b>21.190.714.000</b>
<b>(xem thuyết minh số V.21)</b>		
- Bộ Tài chính	19.278.714.000	19.278.714.000
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.872.000.000	1.912.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.505.423.233</b>	<b>251.287.570.203</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 12060002/HĐTĐ ngày 02 tháng 5 năm 2012 để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền sản xuất Giấy bao gói công nghiệp 25.000 tấn/năm của nhà máy II, gắn liền với quyền sử dụng đất thuê số 50 năm theo HĐBĐ số 10160002 ngày 10/2/2010.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 14/09/2012 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là máy móc thiết bị SXKD ngành giấy và hệ thống nhà xưởng sản xuất; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

(c) Biên bản bàn giao khách hàng ngày 04 tháng 02 năm 2012 về việc bàn giao dư nợ ngắn hạn, nợ trung hạn và mọi phát sinh liên quan đến khách hàng Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại bên bàn giao: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên cho bên nhận bàn giao: Ngân hàng Quân đội - CN Việt Trì.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 22.12.351.401686.TD.DN ngày 16 tháng 05 năm 2012 để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy, bao gồm: thanh toán mua nguyên, nhiên vật liệu, thanh toán tiền lương và các khoản chi phí thường xuyên khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 nồi hơi đốt than trọn bộ Công suất thiết kế 20 tấn/giờ và khung nhà thép; 10 ô tô nhãn hiệu Deawoo, bao gồm 09 xe ô tô tải và 01 xe ô tô con; hệ thống dây chuyền Xeo giấy đồng bộ nhiều lô sấy lưới dài, công suất 20.000 tấn/năm và hàng tồn kho luân chuyển.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>201.867.041.845</b>	<b>509.021.102.925</b>	-	<b>508.275.138.895</b>	<b>202.613.005.875</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hùng Vương	69.368.066.540	177.712.480.962	-	177.133.386.200	69.947.161.302
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Thọ	12.705.304.880	38.210.310.788	-	37.924.269.340	12.991.346.328
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì	119.793.670.425	293.098.311.175	-	293.217.483.355	119.674.498.245
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>14.612.922.000</b>	<b>60.829.985.915</b>	-	<b>54.018.096.915</b>	<b>21.424.811.000</b>
- Cán bộ công nhân viên	9.612.922.000	57.829.985.915	-	46.018.096.915	21.424.811.000
- TCT Giấy Việt Nam tại - CN TP. Hồ Chí Minh	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
- Công ty TNHH hoá chất Tân Phú Cường	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>13.616.892.358</b>	-	<b>19.666.892.358</b>	<b>17.966.892.358</b>	<b>15.316.892.358</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hùng Vương	8.300.000.000	-	14.350.000.000	12.650.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì	5.316.892.358	-	5.316.892.358	5.316.892.358	5.316.892.358
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>21.190.714.000</b>	-	<b>21.150.714.000</b>	<b>21.190.714.000</b>	<b>21.150.714.000</b>
- Bộ Tài chính	19.278.714.000	-	19.278.714.000	19.278.714.000	19.278.714.000
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.912.000.000	-	1.872.000.000	1.912.000.000	1.872.000.000
<b>Cộng</b>	<b>251.287.570.203</b>	<b>569.851.088.840</b>	<b>40.817.606.358</b>	<b>601.450.842.168</b>	<b>260.505.423.233</b>

### 14. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Mai Anh	17.863.243.119	23.756.276.511
Công ty Cổ phần Hoàng Linh	10.367.785.773	20.964.821.821
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	18.779.852.008
DNTN Tân Duy Ngọc	6.887.236.691	13.269.119.141
Công ty TNHH TMTH Hưng Thành	-	11.292.639.887
CN CTCP Lương Thực & TM Phú Thọ	6.475.022.050	10.826.292.050
TCT Giấy Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	2.040.811.309	8.164.183.415
CN Công ty Đông Bắc tại Hà Nội	-	7.871.702.636
Công ty Cổ phần Huy Hoàng	2.489.591.800	3.834.853.569
Công ty TNHH Minh Trung	-	3.646.374.300
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hữu Nghị	2.212.247.512	3.550.699.774
Công ty Cổ phần Giấy Đại Việt	-	2.574.894.680
Công ty Cổ phần đầu tư Chi nhánh Thành Long	519.931.476	2.929.874.562
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành Đô	-	2.307.814.779
Công ty TNHH Hương Giang	-	1.094.986.916
Công ty TNHH Hoá chất Tân Phú Cường	18.879.240.107	-
Công ty TNHH Thương mại Đại Phúc An	5.704.691.350	-
Các đối tượng khác	10.537.716.011	14.990.253.570
<b>Cộng</b>	<b>83.977.517.198</b>	<b>149.854.639.619</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<b>15. Người mua trả tiền trước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cty TNHH Thương mại & Kho vận DEVYT	5.547.778.530	-
Công ty TNHH KOKUYO Việt Nam	-	367.753.200
Công ty TNHH XD và TM Mai Hưng	-	300.000.000
Đối tượng khác	55.401.104	47.911.901
<b>Cộng</b>	<b>5.603.179.634</b>	<b>715.665.101</b>

<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.296.634.378	19.854.277.510	22.135.145.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.313.255.276	3.476.511.047	2.419.249.492
Thuế thu nhập cá nhân	73.719.130	297.047.189	132.559.130
Tiền thuế đất	-	2.472.550.200	1.800.000.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	76.372.200	76.372.200
<b>Cộng</b>	<b>7.683.608.784</b>	<b>26.179.758.146</b>	<b>26.566.326.006</b>
			<b>7.297.040.924</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.  
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.729.790.469</b>	<b>11.876.296.749</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	176.253.720	268.274.593
<i>Tiền phạt thuế</i>	176.253.720	268.274.593
<i>Phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội</i>	-	5.567.000
<i>Chi phí lãi vay vượt quy định</i>	21.034.770	24.047.307
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	80.218.950	214.660.286
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	3.000.000	-
<i>Chi ứng hộ địa phương</i>	22.000.000	24.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	50.000.000	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.906.044.189</b>	<b>12.144.571.342</b>
Thu nhập tính thuế	13.906.044.189	12.144.571.342
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>3.476.511.047</b>	<b>3.036.142.836</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>12.050.000</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.476.511.047</b>	<b>3.048.192.836</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Tiền thuê đất

<sup>4,0</sup> Công ty phải tiền thuê đất đối với diện tích 127.287 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền điện, nước sản xuất phải trả	1.380.625.760	740.843.322
Chi phí lãi vay phải trả	-	12.500.000
Trích trước phí kiểm toán	81.818.182	85.000.000
Trích trước tiền thuê đất năm 2011	-	980.110.000
Trích trước tiền vận tải	95.234.000	-
Trích trước tiền phí quản lý lưới điện	126.263.414	-
Trích trước chi phí sửa chữa	79.000.000	-
Phải trả tiền dịch vụ cho Công ty TNHH BEETOURS Việt Nam theo hợp đồng 46/HDKT	22.110.000	-
Phí môi trường phải trả	11.396.178	-
<b>Cộng</b>	<b>1.796.447.534</b>	<b>1.818.453.322</b>

## 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh Phí công đoàn	865.549.237	837.438.337
Bảo hiểm xã hội	-	1.058.691
Quỹ tự nguyện	95.114.103	110.524.103
Lãi vay phải trả Bộ Tài chính trong năm 2013	4.602.594.063	4.602.594.063
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Giấy Việt Nam	2.339.910.247	18.432.560.299
Phải trả cô tức năm trước	3.625.000	115.097.520
CLTG phải trả Bộ Tài chính trong năm 2013	3.486.285.944	-
Phải trả khác	66.398.922	166.940.939
<b>Cộng</b>	<b>11.459.477.516</b>	<b>24.266.213.952</b>

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.187.448	568.153.913	203.700.000	382.641.361
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành công ty	323.000.040	310.000.000	323.000.000	310.000.040
<b>Cộng</b>	<b>341.187.488</b>	<b>878.153.913</b>	<b>526.700.000</b>	<b>692.641.401</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Phải trả dài hạn khác

Là lãi vay và chênh tỷ giá phải trả Bộ Tài chính

Chi tiết lịch trả nợ lãi vay và CLTG phải trả Bộ Tài chính tại thời điểm cuối năm:

	CLTG phải trả BTC	Lãi vay phải trả BTC	Cộng
Ngày 20/05/2014	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2014	1.743.142.972	2.301.297.031	4.044.440.003
Ngày 20/05/2015	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2015	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2016	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2016	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2017	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2017	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2018	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2018	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/05/2019	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
Ngày 20/11/2019	1.743.142.972	2.301.297.032	4.044.440.004
<b>Cộng</b>	<b>20.917.715.664</b>	<b>27.615.564.383</b>	<b>48.533.280.047</b>

### 21. Vay và nợ dài hạn

#### Vay dài hạn ngân hàng

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -

CN Hùng Vương<sup>(a)</sup>

- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì<sup>(b)</sup>

#### Nợ dài hạn

- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng Công thương Việt Nam

- Bộ Tài chính<sup>(c)</sup>

#### Vay dài hạn cán bộ công nhân viên

#### Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	52.068.367.033	71.735.259.391
	46.751.474.671	61.101.474.671
	5.316.892.362	10.633.784.720
	118.589.559.283	139.740.273.283
	2.917.275.283	4.789.275.283
	115.672.284.000	134.950.998.000
	-	1.530.000.000
<b>Cộng</b>	<b>170.657.926.316</b>	<b>213.005.532.674</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương theo hợp đồng tín dụng số 08.21.2003/HĐTD ngày 07/10/2008 (thay thế hợp đồng tín dụng số 99.06.017/HĐTD ngày 12/08/1999) để đầu tư "Dự án đầu tư mới dây chuyền sản xuất giấy bao gói công nghiệp công suất 25.000 tấn/năm". Tổng số dư nợ là 91.001.474.671 đồng. Thời hạn cho vay: đến 25/11/2017. Lãi suất cho vay bằng nguồn vốn tín dụng Nhà nước:

- Dư nợ 16.944.522.209 lãi suất 9,72%/năm;

- Dư nợ 44.644.676.088 lãi suất 5,4%/năm;

- Dư nợ 29.412.276.374 lãi suất 7%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% mức lãi suất trong hạn ghi trên khế ước. Tại thời điểm vay, Doanh nghiệp Nhà nước chưa phải thế chấp tài sản để vay vốn theo Công văn 417/CV-NHNN ngày 31/05/1997.

<sup>(b)</sup> Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội - CN Việt Trì theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 385.09.053/5135.TD ngày 25 tháng 09 năm 2009 để thanh toán L/C nhập khẩu máy xeo giấy đồng bộ nhiều lô sầy lưới dài 2640/300 đồng bộ công suất 20.000 tấn/năm theo hợp đồng ngoại số DD-VT090723 ngày 23 tháng 07 năm 2009 và thanh toán chi phí xây dựng, lắp đặt máy xeo vào hoạt



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

động. Thời hạn vay 60 tháng trong đó có 06 tháng ân hạn. Lãi suất vay theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hệ thống máy xeo giấy đồng bộ nhiều lô sầy lưới dài 2640/300 đồng bộ.

(c) Là số tiền Bộ Tài chính bảo lãnh trả nợ Công ty Deawoo thay cho Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (trước đây là Công ty Giấy Việt Trì - đơn vị thành viên Tổng Công ty Giấy Việt Nam). Số nợ này được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính tại thời điểm 31/12/2004 là 15.717 VND/USD và được trả trong vòng 15 năm từ năm 2005 đến năm 2019, trong đó có 2 năm ân hạn. Khoản nợ này đã được xác định lại theo Hợp đồng vay vốn số 01/HD ngày 12/6/2007 giữa Quỹ Tích lũy trả nợ nước ngoài - Bộ Tài chính và Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì.

### Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	67.385.259.391	15.316.892.358	52.068.367.033	-
Thuê tài chính	4.789.275.283	1.872.000.000	2.917.275.283	-
Nợ dài hạn Bộ Tài Chính	134.950.998.000	19.278.714.000	77.114.856.000	38.557.428.000
<b>Cộng</b>	<b>207.125.532.674</b>	<b>36.467.606.358</b>	<b>132.100.498.316</b>	<b>38.557.428.000</b>

### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>71.735.259.391</b>	<b>-</b>	<b>19.666.892.358</b>	<b>52.068.367.033</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương	61.101.474.671	-	14.350.000.000	46.751.474.671
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Việt Trì	10.633.784.720	-	5.316.892.358	5.316.892.362
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>139.740.273.283</b>	<b>-</b>	<b>21.150.714.000</b>	<b>118.589.559.283</b>
Thuê tài chính Công ty cho Thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam	4.789.275.283	-	1.872.000.000	2.917.275.283
Bộ Tài chính	134.950.998.000	-	19.278.714.000	115.672.284.000
<b>Vay dài hạn cán bộ công nhân viên</b>	<b>1.530.000.000</b>	<b>1.530.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>213.005.532.674</b>	<b>1.530.000.000</b>	<b>40.817.606.358</b>	<b>170.657.926.316</b>

### 22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.221.685.939	744.710.964
Số trích lập bổ sung	-	607.684.575
Số đã chi	(1.221.685.939)	(130.709.600)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.221.685.939</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**23. Vốn chủ sở hữu****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.000.000.000	131.423.861	8.078.109.716	55.209.533.577
Lợi nhuận năm trước	-	-	8.840.153.913	8.840.153.913
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	403.905.485	(1.263.109.716)	(859.204.231)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(6.815.000.000)	(6.815.000.000)
Bù đắp khoản phạt thuế TNDN	-	(12.050.000)	-	(12.050.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>523.279.346</b>	<b>8.840.153.913</b>	<b>56.363.433.259</b>
Số dư đầu năm nay	47.000.000.000	523.279.346	8.840.153.913	56.363.433.259
Cổ đông góp vốn bằng tiền	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận năm nay	-	-	10.253.279.422	10.253.279.422
Trích lập các quỹ trong năm	-	442.000.000	(1.320.153.913)	(878.153.913)
Chia cổ tức	-	-	(7.520.000.000)	(7.520.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>965.279.346</b>	<b>10.253.279.422</b>	<b>76.218.558.768</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	18.850.000.000	13.630.000.000
Vốn góp của các cổ đông	46.150.000.000	33.370.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm 2010	111.472.520	6.699.902.480
Trả cổ tức năm 2011	7.520.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.631.472.520</b>	<b>6.699.902.480</b>

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

	Số cuối năm	Số đầu năm
	6.500.000	4.700.000
	6.500.000	4.700.000
	6.500.000	4.700.000
	-	-
	-	-
	6.500.000	6.500.000
	6.500.000	6.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng doanh thu	998.594.478.966	973.354.848.356
- Doanh thu bán thành phẩm	980.119.267.550	970.475.183.033
- Doanh thu bán vật tư	16.680.932.663	2.429.178.779
- Doanh thu vận chuyển	1.761.770.600	399.396.946
- Doanh thu bán hàng nội bộ	32.508.153	51.089.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.012.055.123)	(3.362.554.261)
- Giảm giá hàng bán	(88.909.516)	(582.466.087)
- Hàng bán bị trả lại	(3.923.145.607)	(2.780.088.174)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>994.582.423.843</b>	<b>969.992.294.095</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	976.107.212.427	967.112.628.772
- Doanh thu thuần bán vật tư	16.680.932.663	2.429.178.779
- Doanh thu thuần vận chuyển	1.761.770.600	399.396.946
- Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	32.508.153	51.089.598
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	882.369.375.485	876.460.297.125
Giá vốn bán vật tư	17.499.265.391	2.311.209.764
<b>Cộng</b>	<b>899.868.640.876</b>	<b>878.771.506.889</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.		
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	48.122.277.169	56.124.368.472
Lãi mua hàng trả chậm	1.547.791.000	923.977.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.486.285.944	530.847.694
<b>Cộng</b>	<b>53.156.354.113</b>	<b>57.579.193.185</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.796.001.104	4.611.756.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	969.058.057	900.799.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.015.943.296	7.091.464.815
<b>Cộng</b>	<b>16.781.002.457</b>	<b>12.604.021.191</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.720.749.766	4.459.836.059
Chi phí vật liệu quản lý	836.846.936	697.599.512
Chi phí khấu hao TSCĐ	329.788.689	375.162.999
Thuế, phí và lệ phí	2.445.084.200	2.038.855.470
Chi phí dự phòng	295.748.594	650.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.787.179	603.110.234
Chi phí bằng tiền khác	1.662.077.154	2.294.975.194
<b>Cộng</b>	<b>11.727.082.518</b>	<b>11.119.539.468</b>

### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ	-	454.545.455
Thanh lý phế liệu	508.777.319	1.319.336.391
Thu tiền điện	755.254.572	569.050.371
Công nợ không phải trả	2.198.437	158.507
Thu nhập khác	12.789.030	50.919.057
<b>Cộng</b>	<b>1.279.019.358</b>	<b>2.394.009.781</b>

### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý nhượng bán	-	7.592.850
Tiền điện bán cho lò gạch	485.371.806	342.379.942
Truy thu và nộp phạt thuế	-	61.237.400
Xử lý công nợ khó đòi	-	108.095.987
Tiền phạt chậm nộp BHXH	21.034.770	24.047.307
Tiền phạt vi phạm hành chính	3.000.000	-
Thuế TNCN tiền lãi vay	125.999.405	-
Chi phí khác	42.342.228	12.724.517
<b>Cộng</b>	<b>677.748.209</b>	<b>556.078.003</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.253.279.422	8.840.153.913
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.253.279.422	8.840.153.913
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.237.534	4.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.958</b>	<b>1.881</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sóng Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.700.000	4.700.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 9 năm 2012	537.534	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>5.237.534</b>	<b>4.700.000</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	736.734.900	971.470.890
Phụ cấp	175.400.000	256.000.000
Tiền thưởng	252.279.300	311.289.400
<b>Cộng</b>	<b>1.164.414.200</b>	<b>1.538.760.290</b>

#### *Giao dịch với bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam (cổ đông sáng lập).

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Tổng Công ty Giấy Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>TCT Giấy Việt Nam</b>		
Lãi vay phải trả Tổng Công ty	1.547.791.000	4.859.811.000
Trả lãi vay Tổng Công ty	1.500.000.000	-
Bán giấy cho Tổng Công ty	20.185.084.600	7.464.581.250
Thuế GTGT bán giấy cho Tổng Công ty	2.018.508.460	746.458.125
Phải trả tiền mua hàng	-	1.773.573.872
Thuế GTGT đầu vào	-	177.300.186
Thanh toán tiền mua Nguyên vật liệu	12.720.000.000	10.000.000.000
Chuyển tiền mua cổ phiếu	5.220.000.000	-
Bù trừ công nợ	(22.203.593.060)	(8.211.303.375)
Phải trả tiền cổ tức	-	1.976.350.000
Trả tiền cổ tức	(2.279.617.500)	(1.877.532.500)
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng</b>		
Bán giấy cho CN Đà Nẵng	2.198.483.400	4.744.702.900
Thuế GTGT hàng bán	214.809.740	474.470.290
Thu tiền hàng	(2.766.188.480)	(4.871.316.450)
<b>TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh</b>		
Bán giấy cho CN TP.Hồ Chí Minh	61.580.482.033	33.082.354.263



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<sup>4.</sup> Thuế GTGT hàng bán	6.158.048.204	3.308.235.428
Thu tiền hàng	(51.000.000.000)	(30.100.000.000)
Mua nguyên vật liệu của CN TP.Hồ Chí Minh	53.938.108.542	19.282.499.189
Cước vận chuyển giấy phải trả	2.698.243.503	1.447.991.070
Hoa hồng đại lý phải trả	741.064.445	207.812.700
Thuế GTGT hàng mua	5.737.741.641	2.093.830.297
Thanh toán tiền mua hàng	(52.500.000.000)	(10.100.000.000)
Bù trừ công nợ	(16.738.530.237)	(5.502.733.888)
Trả nợ vay ngắn hạn	(5.000.000.000)	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>TCT Giấy Việt Nam - CN Đà Nẵng</i>		
Phải thu tiền bán Giấy thành phẩm	-	347.856.740
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>-</b>	<b>347.856.740</b>
		<b>347.856.740</b>

### *TCT Giấy Việt Nam*

Phải trả tiền mua nguyên vật liệu

Lãi vay phải trả

Cổ tức phải trả

37.311.229.807  
18.779.852.008  
18.432.560.299  
98.817.500

### *TCT Giấy Việt Nam - CN Hồ Chí Minh*

Phải trả tiền mua nguyên vật liệu

**Cộng nợ phải trả**

2.040.811.309  
**4.380.721.556**

8.164.183.415  
**45.475.413.222**

## 2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì là sản xuất giấy các loại. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này, nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.798.297.837	4.581.072.369	2.798.297.837	4.581.072.369
Phải thu khách hàng	127.167.107.521	137.091.147.212	127.167.107.521	137.091.147.212
Các khoản phải thu khác	1.332.499.502	1.522.188.227	882.973.902	1.008.662.627
<b>Cộng</b>	<b>131.297.904.860</b>	<b>143.194.407.808</b>	<b>130.848.379.260</b>	<b>142.680.882.208</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	431.163.349.549	464.293.102.877	431.163.349.549	464.293.102.877
Phải trả cho người bán	83.977.517.198	149.854.639.619	83.977.517.198	149.854.639.619
Các khoản phải trả khác	78.371.618.813	68.347.948.050	78.371.618.813	68.347.948.050
<b>Cộng</b>	<b>593.512.485.560</b>	<b>682.495.690.546</b>	<b>593.512.485.560</b>	<b>682.495.690.546</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sóng Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

#### 4. Tài sản đảm bảo

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.13 và V.21). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>
<b>Số cuối năm</b>	
Nhà cửa vật kiến trúc	18.228.792.579
Máy móc thiết bị	236.874.321.211
Phương tiện vận tải	2.992.673.443
<b>Cộng</b>	<b><u>258.095.787.233</u></b>
<b>Số đầu năm</b>	
Nhà cửa vật kiến trúc	15.623.465.342
Máy móc thiết bị	276.205.189.586
Phương tiện vận tải	3.420.198.219
<b>Cộng</b>	<b><u>295.248.853.147</u></b>

#### 5.

##### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 6.

##### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
	trở xuống	đến 5 năm		Trên 5 năm
Vay và nợ	260.505.423.233	132.100.498.316	38.557.428.000	431.163.349.549
Phải trả người bán	83.977.517.198	-	-	83.977.517.198
Các khoản phải trả khác	29.838.338.766	32.355.520.031	16.177.760.016	78.371.618.813
<b>Cộng</b>	<b>374.321.279.197</b>	<b>164.456.018.347</b>	<b>54.735.188.016</b>	<b>593.512.485.560</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	251.287.570.203	130.067.916.003	82.937.616.671	464.293.102.877
Phải trả người bán	149.854.639.619	-	-	149.854.639.619
Các khoản phải trả khác	34.908.103.667	19.632.062.191	13.807.782.192	68.347.948.050
<b>Cộng</b>	<b>436.050.313.489</b>	<b>149.699.978.194</b>	<b>96.745.398.863</b>	<b>682.495.690.546</b>

### 7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.





## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

Lập, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu



Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Loan

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiện





**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**Đã được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN VIỆT**

**HÀ NỘI, 2013**

